

Số: 49/2019/TT-BTC

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2019

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ
phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV (sau đây viết tắt là Nghị định số 39/2018/NĐ-CP). Bao gồm:

a) Hỗ trợ đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp (cơ bản và chuyên sâu);

b) Hỗ trợ đào tạo trực tiếp tại DNNVV hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến;

c) Hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động trong DNNVV khi được cử tham gia khóa đào tạo trình độ sơ cấp hoặc chương trình đào tạo dưới 03 tháng (sau đây gọi tắt là đào tạo nghề cho lao động trong DNNVV).

2. Trường hợp DNNVV đồng thời đáp ứng các điều kiện của nhiều chương trình/chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực khác nhau thì DNNVV được lựa chọn chương trình/chính sách có lợi nhất và có trách nhiệm tuân thủ đúng quy định của chính sách đã lựa chọn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP.

2. Đối tượng được hỗ trợ đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, đào tạo trực tiếp tại DNNVV hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến theo quy định tại Thông tư số 05/2019/TT-BKHĐT ngày 29/3/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV (Thông tư số 05/2019/TT-BKHĐT).

3. Lao động trong DNNVV được cử tham gia khóa đào tạo nghề đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP.

4. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là UBND cấp tỉnh).

5. Các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực DNNVV quy định tại Thông tư này (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị) gồm:

a) Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh được giao nhiệm vụ hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực DNNVV;

b) Các tổ chức hiệp hội (tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề) được thành lập và có chức năng đào tạo theo quy định của pháp luật.

6. Các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực DNNVV.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực DNNVV gồm hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương), đóng góp và hỗ trợ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

1. Nguồn ngân sách nhà nước:

a) Ngân sách trung ương: Bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các Bộ, cơ quan ngang bộ; hoặc hỗ trợ cho các tổ chức hiệp hội có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực DNNVV.

b) Ngân sách địa phương: Bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của địa phương để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực DNNVV tại địa phương.

2. Các DNNVV, cá nhân tham gia đào tạo đóng góp một phần kinh phí.

3. Các cơ quan, đơn vị huy động các nguồn tài chính khác (ngoài nguồn ngân sách nhà nước) của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực DNNVV.

Điều 4. Nguyên tắc sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực DNNVV

1. Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực DNNVV phải được lập dự toán, quản lý và sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn và quy định tại Thông tư này.

2. Các cơ quan, đơn vị không được sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực DNNVV để chi hoạt động bộ máy, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, chi khác ngoài nhiệm vụ hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực DNNVV.

3. Các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trước pháp luật về: việc quản lý và sử dụng kinh phí đúng quy định, hiệu quả, tiết kiệm; tính trung thực, chính xác, đầy đủ pháp lý của hồ sơ, chứng từ liên quan đến sử dụng kinh phí; thu, chi, hạch toán, quyết toán và lưu trữ hồ sơ theo đúng chế độ quy định.

CHƯƠNG II

HỖ TRỢ ĐÀO TẠO KHỞI SỰ KINH DOANH, QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP VÀ ĐÀO TẠO TRỰC TIẾP TẠI DNNVV HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN

Điều 5. Tổ chức đào tạo

Các quy định về tổ chức đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp (cơ bản và chuyên sâu), đào tạo trực tiếp tại DNNVV hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến (bao gồm: phạm vi, thời lượng đào tạo, đối tượng học viên, số lượng học viên, nội dung đào tạo, hoạt động tổ chức khóa đào tạo, đơn vị đào tạo; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, DNNVV và học viên trong tổ chức đào tạo) thực hiện theo Thông tư số 05/2019/TT-BKHĐT.

Điều 6. Nội dung chi tổ chức khóa đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp tính trong tổng chi phí được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

1. Chi phục vụ trực tiếp khóa đào tạo:

a) Các khoản chi chung:

- Chi phí chiêu sinh: gọi điện thoại, gửi thư mời, đăng thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Chi cho giảng viên, báo cáo viên: thù lao giảng dạy (bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng), chi phí ăn, ở, đi lại.

- Chi in ấn, photo, mua tài liệu học tập theo nội dung chương trình khóa đào tạo cho học viên (không bao gồm tài liệu tham khảo).

- Chi thuê hội trường, phòng học, máy chiếu, thiết bị phục vụ học tập.

- Chi nước uống, giải khát giữa giờ; văn phòng phẩm.

- Chi phí cho lễ khai giảng, bế giảng.

- Chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, vệ sinh, trông giữ xe, quay phim, chụp ảnh tư liệu và các khoản chi trực tiếp khác).

b) Ngoài các khoản chi chung quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, đối với khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp (cơ bản và chuyên sâu) có các khoản chi sau:

- Chi tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập (ra đề thi, coi thi, chấm thi).

- Chi tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế trong nước (nếu có): thuê phương tiện đưa, đón học viên; bồi dưỡng báo cáo viên tham gia chia sẻ kinh nghiệm tại buổi khảo sát, thực tế.

- Chi phí cấp chứng nhận đã tham gia khóa đào tạo.

- Đối với khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp chuyên sâu, tùy theo mức độ cần thiết có thể mời giảng viên, báo cáo viên nước ngoài tham gia giảng dạy thì ngoài chi thù lao giảng dạy, tiền ăn, ở, đi lại, có thêm chi phí phiên dịch, biên dịch tài liệu.

2. Chi hoạt động quản lý một khoá đào tạo của đơn vị đào tạo (không vượt quá 10% chi phí tổ chức một khóa đào tạo), gồm:

- Công tác phí cho cán bộ quản lý lớp của đơn vị đào tạo trong trường hợp phải tổ chức lớp học ở xa đơn vị đào tạo.

- Làm thêm giờ của cán bộ quản lý lớp (nếu có); tổ chức các cuộc họp nhằm triển khai khóa đào tạo.

- Các khoản chi khác để phục vụ quản lý, điều hành lớp học: thông tin liên lạc, đi khảo sát địa bàn để tổ chức lớp.

Điều 7. Kinh phí tổ chức khoá đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp và hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

1. Tổng chi phí tổ chức khóa đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là tổng các khoản chi phát sinh thực tế theo nội dung chi quy định tại Điều 6 Thông tư này.

2. Tổng chi phí tổ chức khóa đào tạo quy định tại khoản 1 Điều này được chi trả từ các nguồn:

a) Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương) theo mức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này như sau :

i) Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong tổng chi phí tổ chức một khóa đào tạo khởi sự kinh doanh tối đa là 100%, quản trị doanh nghiệp cơ bản tối đa là 70% và quản trị doanh nghiệp chuyên sâu là 50%.

ii) Định mức chi của từng nội dung chi trong một khóa đào tạo để xác định số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức và viên chức và theo nguyên tắc:

- Đối với các nội dung chi có quy định cụ thể về tiêu chuẩn, định mức (chi cho giảng viên, báo cáo viên; biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng; nước uống, giải khát; khen thưởng học viên; chi ra đề thi, coi thi, chấm thi; công tác phí) phải thực hiện theo đúng chế độ quy định. Riêng giảng viên, báo cáo viên nước ngoài, việc xác định số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ thù lao giảng dạy, chi phí đi lại, ăn, ở áp dụng như đối với giảng viên, báo cáo viên trong nước.

- Đối với các nội dung chi chưa có quy định cụ thể về tiêu chuẩn, định mức: căn cứ theo hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu thực tế, hợp lý, hợp pháp theo quy định của pháp luật.

b) Chi phí còn lại (bằng tổng chi phí tổ chức một khóa đào tạo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ đi số hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định tại tiết a khoản 2 Điều này) được chi trả từ các nguồn:

i) Kinh phí tài trợ, huy động từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho khóa đào tạo (nếu có).

ii) Học phí do học viên đóng góp. Khuyến khích đơn vị đào tạo tận dụng tối đa nguồn kinh phí tài trợ, huy động được để giảm học phí cho học viên tham gia khoá đào tạo.

3. Đối với các học viên của DNNVV thuộc địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (sau đây viết tắt là học viên địa bàn ĐBKK) và học viên của DNNVV do nữ làm chủ được miễn học phí tham gia khóa đào tạo, thực hiện theo hình thức ngân sách nhà nước hỗ trợ thông qua đơn vị đào tạo.

a) Xác định mức hỗ trợ học phí:

$$\text{Mức hỗ trợ học phí cho 01 học viên} = \frac{\text{Tổng chi phí tổ chức khóa đào tạo} - \text{Số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ}}{\text{Tổng số học viên tham gia khóa đào tạo}} - \text{Số tiền tài trợ, huy động cho đào tạo (nếu có)}$$

Trong đó:

- Tổng chi phí tổ chức khóa đào tạo xác định theo khoản 1 Điều này.
- Số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức khóa đào tạo xác định theo điểm a khoản 2 Điều này.
- Số tiền tài trợ, huy động xác định theo tiết i, điểm b khoản 2 Điều này.

b) Việc xác định đối tượng học viên địa bàn ĐBKK, học viên của DNNVV do nữ làm chủ thực hiện theo Thông tư số 05/2019/TT-BKHĐT.

4. Đơn vị đào tạo có trách nhiệm:

a) Lập dự toán, báo cáo quyết toán kinh phí tổ chức khóa đào tạo trên cơ sở quy định tại Điều 6, khoản 1, 2, 3 Điều 7, theo mẫu Phụ lục 1a và tổng hợp theo mẫu Phụ lục 1 kèm Thông tư này.

b) Thông báo công khai khi thực hiện chiêu sinh và trong quá trình tổ chức khóa đào tạo về: sự hỗ trợ của ngân sách nhà nước để tổ chức khóa đào tạo; mức học phí thu của học viên và mức học phí ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với học viên địa bàn ĐBKK và học viên của DNNVV do nữ làm chủ.

5. Trường hợp đơn vị đào tạo tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế ở nước ngoài:

a) Chi phí tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế ở nước ngoài bao gồm: chi công tác phí cho cán bộ tổ chức, học viên và chung cho cả đoàn; chi phí phải trả cho nơi đến khảo sát (nếu có); chi phí phiên dịch, biên dịch tài liệu và các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến chuyến khảo sát.

b) Chi phí tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế ở nước ngoài lấy từ nguồn tài trợ, huy động từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước cho khóa đào tạo (nếu có) và đóng góp của học viên.

c) Không tổng hợp chi phí tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế ở nước ngoài vào tổng chi phí tổ chức khóa đào tạo quy định tại khoản 1 Điều này để xác định số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Điều 8. Nội dung chi tổ chức khoá đào tạo trực tiếp tại DNNVV hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến tính trong tổng chi phí được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

Nội dung chi tổ chức khóa đào tạo trực tiếp tại DNNVV hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến theo quy định tại Điều 6 Thông tư này, bao gồm cả chi phí áp dụng đối với khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp (cơ bản và chuyên sâu), nhưng không bao gồm:

- Chi phí chiêu sinh: gọi điện thoại, gửi thư mời, đăng thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng.
- Chi thuê hội trường, phòng học, máy chiếu, thiết bị phục vụ học tập.
- Chi điện, nước, vệ sinh, trông giữ xe.

Điều 9. Kinh phí tổ chức khóa đào tạo trực tiếp tại DNNVV hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến và hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

1. Tổng chi phí tổ chức khóa đào tạo trực tiếp tại DNNVV hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là tổng các khoản chi phát sinh thực tế theo nội dung chi quy định tại Điều 8 Thông tư này.

2. Tổng chi phí tổ chức khóa đào tạo quy định tại khoản 1 Điều này được chi trả từ các nguồn:

a) Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương):

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% tổng chi phí tổ chức một khóa đào tạo trực tiếp tại DNNVV hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến nhưng không quá 01 lần một năm.

- Định mức chi của từng nội dung chi trong một khóa đào tạo để xác định số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện theo quy định tại tiết ii điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

b) Phần kinh phí còn lại (tổng chi phí tổ chức khóa đào tạo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ đi số hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này) được chi trả từ các nguồn:

- Kinh phí tài trợ, huy động từ doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho khóa đào tạo (nếu có).

- Đóng góp của DNNVV hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến có khóa đào tạo tổ chức trực tiếp tại doanh nghiệp. Khuyến khích đơn vị đào tạo tận dụng tối đa nguồn kinh phí tài trợ, huy động được để giảm mức đóng góp của DNNVV.

3. Đơn vị đào tạo có trách nhiệm:

a) Lập dự toán, báo cáo quyết toán kinh phí tổ chức khóa đào tạo trên cơ sở quy định tại Điều 8, khoản 1, 2 Điều 9, theo mẫu Phụ lục 1b và tổng hợp theo mẫu Phụ lục 1 kèm Thông tư này.

b) Thông báo công khai cho DNNVV về mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và mức đóng góp của DNNVV để tổ chức khóa đào tạo.

4. Trường hợp tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế ở nước ngoài: thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này.

Điều 10. Quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí ngân sách hỗ trợ đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, đào tạo trực tiếp tại DNNVV hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh thực hiện quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí ngân sách hỗ trợ tổ chức các

khóa đào tạo (khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp và đào tạo trực tiếp tại DNNVV hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến) theo hình thức rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước. Kho bạc nhà nước thực hiện kiểm soát chi, đảm bảo việc sử dụng kinh phí ngân sách hỗ trợ đúng mục đích, đúng quy định chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này.

2. Đối với tổ chức hiệp hội không quan hệ thường xuyên với ngân sách, việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí từ ngân sách nhà nước để hỗ trợ tổ chức các khóa đào tạo (khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp và đào tạo trực tiếp tại DNNVV hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến) theo hình thức lệnh chi tiền.

a) Bộ Tài chính thực hiện cấp tối đa 70% dự toán kinh phí ngân sách hỗ trợ tổ chức các khóa đào tạo cho tổ chức hiệp hội trên cơ sở thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao nhiệm vụ (kế hoạch đào tạo và kinh phí ngân sách hỗ trợ) cho tổ chức hiệp hội, kế hoạch triển khai nhiệm vụ và dự toán chi tiết kinh phí tổ chức các khóa đào tạo của tổ chức hiệp hội.

b) Sau khi kết thúc tổ chức các khóa đào tạo và chậm nhất không quá ngày 20 tháng 12 hàng năm, tổ chức hiệp hội có trách nhiệm hoàn thành báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện. Bộ Tài chính xem xét hỗ trợ số kinh phí ngân sách còn được cấp hoặc thu hồi phần kinh phí ngân sách không sử dụng hết trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ và quyết toán kinh phí tổ chức các khóa đào tạo của tổ chức hiệp hội.

CHƯƠNG III

HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG TRONG DNNVV

Điều 11. Tổ chức đào tạo nghề cho lao động trong DNNVV

Các quy định về tổ chức đào tạo nghề cho lao động trong DNNVV (bao gồm: phạm vi, đối tượng, ngành nghề đào tạo, cơ sở đào tạo nghề nghiệp; quy trình và hình thức tổ chức đào tạo, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, DNNVV và học viên trong tổ chức đào tạo) thực hiện theo Thông tư số 32/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong DNNVV.

Điều 12. Chi phí đào tạo nghề và chính sách hỗ trợ cho lao động trong DNNVV

1. Lao động làm việc trong DNNVV đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP khi tham gia khóa đào tạo nghề được miễn chi phí đào tạo nhưng tối đa không quá 02 triệu đồng/người/khóa học; mỗi người một lần.

2. Các chi phí còn lại để tham gia khóa đào tạo nghề do DNNVV và người lao động thỏa thuận, bao gồm:

- Phân chênh lệch trong trường hợp chi phí đào tạo nghề do cơ sở đào tạo quy định cao hơn mức quy định tại khoản 1 Điều này;
- Tiền ăn, đi lại và các chi phí khác phát sinh khi học viên tham gia khóa đào tạo.

Điều 13. Quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí ngân sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động trong DNNVV

1. Cơ quan, đơn vị được giao tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động trong DNNVV có trách nhiệm thanh toán chi phí đào tạo học viên được miễn cho cơ sở đào tạo nghề nghiệp, căn cứ vào nhiệm vụ giao cho cơ sở đào tạo nghề nghiệp (trường hợp cơ sở đào tạo nghề nghiệp là đơn vị trực thuộc) hoặc hợp đồng ký kết với cơ sở đào tạo nghề nghiệp (trường hợp cơ sở đào tạo nghề nghiệp không phải là đơn vị trực thuộc). Mức thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này.

2. Trường hợp cơ sở đào tạo nghề nghiệp là đơn vị trực thuộc cơ quan, đơn vị được giao tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động trong DNNVV:

- Việc giao nhiệm vụ đào tạo phải căn cứ kế hoạch và dự toán kinh phí ngân sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động trong DNNVV do cơ sở đào tạo nghề nghiệp xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Việc lập dự toán, phân bổ dự toán, thanh quyết toán kinh phí ngân sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động trong DNNVV thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

3. Trường hợp cơ sở đào tạo nghề nghiệp không phải là đơn vị trực thuộc cơ quan, đơn vị được giao tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động trong DNNVV:

- Căn cứ kế hoạch và dự toán kinh phí ngân sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động trong DNNVV được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan, đơn vị được giao tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động trong DNNVV lựa chọn cơ sở đào tạo nghề nghiệp và ký kết hợp đồng theo đúng quy định của Luật Đấu thầu, Luật Dân sự và các văn bản hướng dẫn liên quan.

- Việc thanh quyết toán kinh phí ngân sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động trong DNNVV thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng nhưng đảm bảo trước khi thanh lý hợp đồng chỉ cấp tối đa không quá 70% số kinh phí ngân sách hỗ trợ ghi trong hợp đồng.

4. Cơ sở đào tạo nghề nghiệp lập dự toán, báo cáo quyết toán kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động trong DNNVV theo mẫu Phụ lục 2a, 2b kèm Thông tư này gửi cơ quan, đơn vị được giao tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động trong DNNVV để tổng hợp theo mẫu Phụ lục 2 kèm Thông tư này.

CHƯƠNG IV

LẬP, CHẤP HÀNH VÀ TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN KINH PHÍ; CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ, KIỂM TRA

Điều 14. Lập, phân bổ và giao dự toán

Việc lập, phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực DNNVV theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật và hướng dẫn tại Thông tư này như sau:

1. Lập dự toán

a) Vào thời điểm lập dự toán ngân sách hàng năm, căn cứ các văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn xây dựng kế hoạch hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực DNNVV, nhu cầu hỗ trợ đào tạo và quy định về nội dung chi, mức chi tại Thông tư này: Các cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí thực hiện, trong đó xác định cụ thể kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ (theo mẫu Phụ lục 1, 2 kèm Thông tư này), tổng hợp vào dự toán chi ngân sách của cơ quan, đơn vị mình để trình cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh, tổ chức hiệp hội tổng hợp dự toán kinh phí hỗ trợ đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp và đào tạo trực tiếp tại DNNVV hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tổng hợp dự toán kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động trong DNNVV gửi Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội để tổng hợp chung trên phạm vi toàn quốc.

b) Trên cơ sở tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp và đào tạo trực tiếp tại DNNVV hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến trên phạm vi toàn quốc, Bộ Kế hoạch & Đầu tư gửi Bộ Tài chính về đề xuất dự toán kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ (theo mẫu Phụ lục 1c kèm Thông tư này).

c) Trên cơ sở tổng hợp dự toán kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động trong DNNVV, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đề xuất dự toán kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ (theo mẫu Phụ lục 2c kèm Thông tư này) gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để tổng hợp chung kinh phí thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực DNNVV) và Bộ Tài chính.

d) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách nhà nước hàng năm, Bộ Tài chính thông báo số kiểm tra về dự toán chi ngân sách trung ương để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển phát triển nguồn nhân lực DNNVV cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội để dự kiến phương án phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị. Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội quyết định đối với kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực DNNVV.

2. Phân bổ và giao dự toán

a) Đối với ngân sách trung ương: Căn cứ dự toán ngân sách trung ương bố trí thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực DNNVV được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện phân bổ và giao dự toán kinh phí hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị đảm bảo phù hợp với kế hoạch triển khai nhiệm vụ hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực DNNVV do Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thông báo hàng năm.

b) Đối với ngân sách địa phương: Căn cứ dự toán ngân sách địa phương bố trí thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực DNNVV được cấp có thẩm quyền phê duyệt, UBND cấp tỉnh phân bổ và giao dự toán kinh phí hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị, đảm bảo phù hợp với kế hoạch triển khai nhiệm vụ hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực DNNVV trên địa bàn do UBND cấp tỉnh phê duyệt hàng năm.

Điều 15. Chấp hành và tổng hợp quyết toán

1. Các cơ quan, đơn vị thực hiện quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực DNNVV theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật và hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện quyết toán và tổng hợp quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực DNNVV theo mẫu Phụ lục 1, 2 kèm Thông tư này; đồng thời tổng hợp vào báo cáo quyết toán chi ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị mình để cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 16. Chế độ báo cáo, đánh giá, kiểm tra

1. Báo cáo về kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực DNNVV được tổng hợp trong báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực DNNVV. Thời điểm báo cáo, định kỳ báo cáo, nội dung báo cáo và trách nhiệm báo cáo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động – Thương binh và xã hội.

2. Việc đánh giá, kiểm tra tình hình sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực DNNVV là một trong các nội dung thực hiện khi tổ

chức đánh giá, kiểm tra tình hình triển khai nhiệm vụ hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực DNNVV.

a) Thời điểm và định kỳ đánh giá, nội dung đánh giá, kiểm tra và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong tổ chức đánh giá, kiểm tra thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

b) Kinh phí tổ chức đánh giá, kiểm tra tình hình triển khai nhiệm vụ hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực DNNVV:

i) Đối với Bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh; các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực DNNVV:

- Kinh phí tổ chức đánh giá, kiểm tra tình hình triển khai nhiệm vụ (bao gồm: kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo tổng kết, đánh giá; công tác phí cho cán bộ đoàn công tác đi đánh giá, kiểm tra) được bố trí và tổng hợp chung trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm, mức bố trí không vượt quá 3% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực DNNVV hàng năm của cơ quan, đơn vị.

- Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức đánh giá, kiểm tra tình hình triển khai nhiệm vụ hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực DNNVV theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

ii) Đối với các tổ chức hiệp hội được giao nhiệm vụ hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực DNNVV: Kinh phí tổ chức đánh giá, kiểm tra tình hình triển khai nhiệm vụ (công tác phí cho cán bộ đi đánh giá, kiểm tra) từ nguồn kinh phí hoạt động, tài trợ, huy động và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của tổ chức hiệp hội. Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo điều lệ, quy chế quản lý tài chính của tổ chức hiệp hội.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 9 năm 2019.

2. Bãi bỏ các nội dung liên quan đến kinh phí quy định tại Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 13/8/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho DNNVV: Điều 4, Chương III, khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19.

3. Khi văn bản quy định dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản mới.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết. / *thao*

Nơi nhận: ↙

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư; Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cơ quan Trung ương các Hội, Đoàn thể;
- Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website: Chính phủ, Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Cục TCDN (250 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



***Huỳnh Quang Hải**

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ...

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 49/2019/TT-BTC ngày 06/8/2019 của Bộ Tài chính)

TỔNG HỢP DỰ TOÁN (TỔNG HỢP BÁO CÁO QUYẾT TOÁN) KINH PHÍ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC DNNVV NĂM ...
(Khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp; đào tạo trực tiếp tại DNNVV hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến)

Số TT	Khóa đào tạo/địa bàn	Số học viên	Tổng chi phí	NSNN hỗ trợ	Phân chia nguồn			Ghi chú		
					Trong đó	Từ nguồn thu học phí của học viên, DNNVV	Từ nguồn tài trợ, huy động			
									Hỗ trợ tổ chức lớp học	Hỗ trợ HV địa bàn ĐBK, HV của DNNV do nữ làm chủ
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d=e+h+i</i>	<i>e=f+g</i>	<i>f</i>	<i>g</i>	<i>h</i>	<i>i</i>	<i>j</i>	
1	Khởi sự kinh doanh (=1.1+1.2+...)									
1.1	Khóa học từ ngày...đến ngày...(*1); tại... (*2)									
2	Quản trị doanh nghiệp cơ bản (=2.1+2.2+...)									
2.1	Khóa học từ ngày...đến ngày...(*1); tại... (*2)									
3	Quản trị DN chuyên sâu (=3.1+3.2+...)									
3.1	Khóa học từ ngày...đến ngày...(*1); tại... (*2)									
4	Đào tạo trực tiếp tại DNNVV trong lĩnh vực sản xuất, chế biến (=4.1+4.2+...)					X (*3)				
4.1	Khóa học từ ngày...đến ngày...(*1); tại... (*2)					X (*3)				
	Tổng cộng (1+2+3+4)									

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

PHỤ TRÁCH ĐÀO TẠO
(Ký, họ tên)

..., ngày... tháng... năm...
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu cơ quan)

Ghi chú: (*1) Trường hợp dự toán: ghi thời gian dự kiến tổ chức khóa đào tạo; Trường hợp quyết toán: ghi cụ thể thời gian đã tổ chức khóa đào tạo
(*2) Ghi theo địa điểm hoặc địa bàn tổ chức
(*3) Không phản ánh

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ....

Phụ lục 1a

(Ban hành kèm theo Thông tư số 49/2019/TT-BTC ngày 06/8/2019 của Bộ Tài chính)

DỰ TOÁN (BÁO CÁO QUYẾT TOÁN) KINH PHÍ TỐ CHỨC KHÓA ĐÀO TẠO
(Khởi sự kinh doanh/Quản trị doanh nghiệp)

Đơn vị đào tạo:
 Địa điểm thực hiện:
 Thời gian thực hiện:
 Khóa đào tạo: (Khởi sự KD; hoặc quản trị DN cơ bản; hoặc quản trị DN chuyên sâu)
 Nội dung đào tạo:.....
 Số học viên tham gia:

PHẦN I-CHI TIẾT KINH PHÍ

ĐVT: đồng

Số TT	Chứng từ (*8)		Nội dung chi	DV tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Phân chia nguồn			Ghi chú
	Ký hiệu	Ngày tháng						NSNN hỗ trợ	Từ nguồn học phí của học viên	Từ nguồn tài trợ, huy động	
a			b	c	d	e	f=d x e	h	i	j	
A			Tổng chi phí tổ chức 1 khóa đào tạo = (1) + (2)				-	-	-		
1			Chi phục vụ trực tiếp khóa đào tạo				-	-	-		
a			Các khoản chi chung:								
-			Chi phí chiêu sinh (gọi điện thoại, gửi thư mời, đăng thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng)								
-			Chi cho giảng viên, báo cáo viên:								
+			Thù lao giảng dạy (bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng)								
+			Chi phí đi lại								
+			Chi phí lưu trú (tiền ở)								
+			Phụ cấp tiền ăn								
-			Chi phí tài liệu (không bao gồm tài liệu tham khảo)								
-			Thuê hội trường, phòng học, máy chiếu, thiết bị phục vụ học tập								
-			Nước uống, giải khát giữa giờ								
-			Văn phòng phẩm								
-			Chi phí cho lễ khai giảng, bế giảng								
-			Chi khác phục vụ trực tiếp lớp học: điện, nước, vệ sinh, trông giữ xe, quay phim, chụp ảnh tư liệu, khoản chi trực tiếp khác								
b			Chi phí áp dụng cho khóa quản trị DN (cơ bản, chuyên sâu):								
-			Chi phí tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập (ra đề thi, coi thi, chấm thi)								

Số TT	Chứng từ (*8)		Nội dung chi	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Phân chia nguồn			Ghi chú
	Ký hiệu	Ngày tháng						NSNN hỗ trợ	Từ nguồn học phí của học viên,	Từ nguồn tài trợ, huy động	
a			b	c	d	e	f=d x e	g	h	i	j
-			Chi tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế trong nước (nếu có), gồm:								
+			<i>Thuế phương tiện đưa, đón học viên</i>								
+			<i>Bồi dưỡng báo cáo viên chia sẻ kinh nghiệm</i>								
-			Chi phí cấp chứng nhận đã tham gia khóa đào tạo								
-			Đối với khóa đào tạo quản trị DN chuyên sâu mời giảng viên, báo cáo viên nước ngoài:								
+			<i>Chi phiên dịch</i>								
+			<i>Chi biên dịch tài liệu</i>								
2			Chi hoạt động quản lý một khóa đào tạo (Tối đa 10% trên tổng chi phí tổ chức 1 khóa đào tạo)				-	-	-	-	
-			Công tác phí cho cán bộ quản lý lớp (áp dụng trong trường hợp tổ chức lớp học ở xa đơn vị đào tạo)								
+			<i>Chi phí đi lại</i>								
+			<i>Chi phí lưu trú</i>								
+			<i>Phụ cấp tiền ăn</i>								
-			Chi làm thêm giờ của cán bộ quản lý lớp (nếu có)								
-			Tổ chức các cuộc họp nhằm triển khai khóa học								
-			Chi khác phục vụ quản lý, điều hành lớp học: thông tin liên lạc, đi khảo sát địa bàn trước khi tổ chức lớp								
B			NSNN hỗ trợ học phí cho học viên địa bàn ĐBK, học viên của DNNVV do nữ làm chủ					(*2)	X (*7)	X (*7)	
			Mức hỗ trợ học phí cho 01 HV					(*3)	X (*7)	X (*7)	
			=> Cơ cấu chi phí tổ chức 01 khóa đào tạo:				(*1)	(*4)	(*5)	(*6)	

PHẦN II- DANH SÁCH HỌC VIÊN THAM GIA KHOÁ HỌC (*8)

Số TT	Danh sách DNNVV/Tên học viên	Giới tính	Năm sinh	Nơi ở hiện tại	Chức danh, vị trí hiện tại	Điện thoại cá nhân	Ghi chú
A-	DNNVV không thuộc địa bàn ĐBK, DNNVV do nữ làm chủ						
I	DNNVV: tên DN, địa chỉ, mã số thuế, ngành nghề kinh doanh chính; Số lao động bình quân năm, tổng nguồn vốn hoặc doanh thu của năm trước liền kề						
1	Tên học viên (thuộc DNNVV)						
...							
II	DNNVV (tên DN, địa chỉ, mã số thuế... Như mục I)						
...	Tên học viên (thuộc DNNVV)						
...							
B-	DNNVV địa bàn ĐBK, DNNVV do nữ làm chủ						
I	DNNVV: tên DN, địa chỉ, mã số thuế, ngành nghề kinh doanh chính; Số lao động bình quân năm, tổng nguồn vốn hoặc doanh thu của năm trước liền kề, tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của thành viên góp vốn/cổ đông là nữ, tên người quản lý điều hành là nữ (áp dụng đối với DNNVV do nữ làm chủ)						
1	Tên học viên (thuộc DNNVV)						
...							

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

PHỤ TRÁCH ĐÀO TẠO
(Ký, họ tên)

..., ngày tháng năm
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu cơ quan)

Ghi chú: (*1) Tổng chi phí tổ chức khóa đào tạo = Số liệu tại dòng A cột f

(*2) = (*3) x (số HV địa bàn ĐBK + số HV của DNNVV do nữ làm chủ)

(*3) = (Số liệu tại dòng A cột f - Số liệu tại dòng A cột g - Số liệu tại dòng A cột i) : (Tổng số học viên tham gia khóa đào tạo)

(*4) Tổng số tiền NSNN hỗ trợ tổ chức khóa đào tạo = Số liệu tại dòng A cột g + (*2)

(*5) Chi phí khóa đào tạo từ nguồn học phí của HV, DNNVV = (*1) - (*4) - (*6)

(*6) Chi phí khóa đào tạo từ nguồn tài trợ, huy động = số liệu tại dòng A cột i

(*7) Không phản ánh

(*8) Chi áp dụng đối với Báo cáo quyết toán kinh phí

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ.....

Phụ lục 1b

(Ban hành kèm theo Thông tư số 49/2019/TT-BTC ngày 06/8/2019 của Bộ Tài chính)
DỰ TOÁN (BÁO CÁO QUYẾT TOÁN) KINH PHÍ TỔ CHỨC KHÓA ĐÀO TẠO
(Khóa đào tạo trực tiếp tại DNNVV hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến)

Đơn vị đào tạo:
 DNNVV được hỗ trợ đào tạo: *(tên DN, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề, lĩnh vực hoạt động chính, số điện thoại liên lạc, số lao động bình quân/năm, tổng nguồn vốn hoặc tổng doanh thu của năm)*
 Địa điểm thực hiện:
 Thời gian thực hiện:
 Chuyên đề đào tạo:
 Số học viên tham gia:

PHẦN I-CHI TIẾT KINH PHÍ

ĐVT: đồng

Số TT	Chứng từ (*1)		Nội dung chi	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Phân chia nguồn			Ghi chú
	Ký hiệu	Ngày tháng						NSSNN hỗ trợ	Từ nguồn đóng góp của DNNVV	Từ nguồn tài trợ, huy động	
a			b	c	d	e	f= d x e	g	h	i	j
1			Tổng chi phí tổ chức 1 khóa đào tạo = (1) + (2)								
-			Chi phục vụ trực tiếp khóa đào tạo								
+			Chi cho giảng viên, báo cáo viên:								
+			<i>Thù lao giảng dạy (bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng)</i>								
+			<i>Chi phí đi lại</i>								
+			<i>Chi phí lưu trú</i>								
+			<i>Phụ cấp tiền ăn</i>								
-			Chi phí tài liệu (không bao gồm tài liệu tham khảo)								
-			Nước uống, giải khát giữa giờ								
-			Văn phòng phẩm								
-			Chi phí cho lễ khai giảng, bế giảng								
-			Chi phí quay phim, chụp ảnh tư liệu, khoản chi trực tiếp khác								
-			Chi phí tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập (ra đề thi, coi thi, chấm thi)								
-			Chi tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế trong nước (nếu có), gồm:								
+			<i>Thuế phương tiện đưa, đón học viên</i>								
+			<i>Bồi dưỡng báo cáo viên chia sẻ kinh nghiệm</i>								

Số TT	Chứng từ (*1)		Nội dung chi	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Phân chia nguồn			Ghi chú
	Ký hiệu	Ngày tháng						NSNN hỗ trợ	Từ nguồn đóng góp của DNNVV	Từ nguồn tài trợ, huy động	
a			b	c	d	e	f=d x e	g	h	i	j
-			Chi phí cấp chứng nhận đã tham gia khóa đào tạo								
-			Trường hợp mời giảng viên, báo cáo viên nước ngoài:								
+			<i>Chi phiên dịch</i>								
+			<i>Chi biên dịch tài liệu</i>								
2			Chi hoạt động quản lý một khóa đào tạo (Tối đa 10% trên tổng chi phí tổ chức 1 khóa đào tạo)								
-			Công tác phí cho cán bộ quản lý lớp (áp dụng trong trường hợp tổ chức lớp học ở xa đơn vị đào tạo)								
+			<i>Chi phí đi lại</i>								
+			<i>Chi phí lưu trú</i>								
+			<i>Phụ cấp tiền ăn</i>								
-			Chi làm thêm giờ của cán bộ quản lý lớp (nếu có)								
-			Tổ chức các cuộc họp nhằm triển khai khóa học								
-			Chi khác phục vụ quản lý, điều hành lớp học: thông tin liên lạc, đi khảo sát địa bàn trước khi tổ chức lớp								

PHẦN II- DANH SÁCH HỌC VIÊN THAM GIA KHOÁ HỌC (*1)

Số TT	Danh sách học viên	Giới tính	Năm sinh	Chức danh, vị trí hiện tại trong DNNVV	Điện thoại liên lạc cá nhân	Ghi chú
1						
....						

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

PHỤ TRÁCH ĐÀO TẠO
(Ký, họ tên)

...., ngày tháng năm
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu cơ quan)

Ghi chú: (*1) Chi áp dụng đối với Báo cáo quyết toán kinh phí

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Phụ lục 1c

(Ban hành kèm theo Thông tư số 49/2019/TT-BTC ngày 06/8/2019 của Bộ Tài chính)

TỔNG HỢP VÀ ĐỀ XUẤT DỰ TOÁN NSTW HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC DNNVV NĂM ...

(Khởi sự kinh doanh, quản trị kinh doanh; đào tạo trực tiếp tại DNNVV hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến)

Số TT	Bộ, cơ quan ngang bộ, tổ chức hiệp hội	Số khóa đào tạo	Tổng chi phí	Phân chia nguồn				Bộ KH&ĐT đề xuất NSTW hỗ trợ	Ghi chú	
				NSNN hỗ trợ	Hỗ trợ tổ chức lớp học	Hỗ trợ HV địa bàn ĐBK, HV của DNNV do nữ làm chủ	Từ nguồn thu học phí của học viên, DNNVV			Từ nguồn tài trợ, huy động
a	b	c	$d=e+h+i$	$e=f+g$	f	g	h	i	j	k
I	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ									
1	Bộ...									
a	Khởi sự kinh doanh									
b	Quản trị DN cơ bản									
c	Quản trị DN chuyên sâu									
d	Đào tạo trực tiếp tại DNNVV hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến									
2	Bộ...									
...	...									
II	Các tổ chức hiệp hội									
1	Tổ chức hiệp hội...									
a	Khởi sự kinh doanh									
b	Quản trị DN cơ bản									
c	Quản trị DN chuyên sâu									
d	Đào tạo trực tiếp tại DNNVV hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến									
2	Tổ chức hiệp hội...									
...	...									
	Tổng cộng									

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

LÃNH ĐẠO CỤC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP

(Ký, họ tên, đóng dấu cơ quan)

..., ngày ... tháng ... năm ...

LÃNH ĐẠO BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Ký, họ tên, đóng dấu cơ quan)

Cơ quan, đơn vị...

Phụ lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 49/2019/TT-BTC ngày 06/8/2019 của Bộ Tài chính)

TỔNG HỢP DỰ TOÁN (TỔNG HỢP BÁO CÁO QUYẾT TOÁN) KINH PHÍ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC DNNVV NĂM ...
(Đào tạo nghề cho lao động trong DNNVV)

Số TT	Cơ sở đào tạo nghề nghiệp/Chuyên ngành /Khóa đào tạo	Số học viên của DNNVV	Chi phí đào tạo/01 học viên			NSNN hỗ trợ các học viên	Ghi chú
			Chi phí đào tạo	Trong đó:	Từ nguồn tài trợ, huy động		
a	b	c	d = e + f + g	Học viên, DNNVV đóng góp	f	g	i
1	Cơ sở đào tạo nghề nghiệp... (= 1.1+1.2+...)						
1.1	Chuyên ngành đào tạo...						
-	Khóa đào tạo từ ngày... đến ngày ... (*1)						
...	...						
2	Cơ sở đào tạo nghề nghiệp... (= 2.1+2.2+...)						
2.1	Chuyên ngành đào tạo...						
-	Khóa đào tạo từ ngày... đến ngày ... (*1)						
...	...						
3	Cơ sở đào tạo nghề nghiệp... (= 3.1+3.2+...)						
3.1	Chuyên ngành đào tạo...						
-	Khóa đào tạo từ ngày... đến ngày ... (*1)						
...	...						
	Tổng cộng (1+2+3+4)						

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

PHỤ TRÁCH ĐÀO TẠO
(Ký, họ tên)

..., ngày... tháng... năm...
LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu cơ quan)

Ghi chú: (*1) Trường hợp dự toán: ghi thời gian dự kiến tổ chức khóa đào tạo; Trường hợp quyết toán: ghi cụ thể thời gian đã tổ chức khóa đào tạo

Cơ sở đào tạo nghề nghiệp...

Phụ lục 2a

(Ban hành kèm theo Thông tư số 49/2019/TT-BTC ngày 06/8/2019 của Bộ Tài chính)

DỰ TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC DNNVV NĂM ...
(Đào tạo nghề cho lao động trong DNNVV)

Số TT	Chuyên ngành/Khóa đào tạo	Số học viên của DNNVV	Chi phí đào tạo/01 học viên			NSNN hỗ trợ các học viên	Ghi chú
			Chi phí đào tạo	Trong đó: Học viên, DNNVV đóng góp	Từ nguồn tài trợ, huy động		
a	b	c	d = e + f + g	e	f	g	i
1	Chuyên ngành đào tạo...						
-	Khóa đào tạo từ ngày...đến ngày ... (*1)						
...	...						
2	Chuyên ngành đào tạo...						
-	Khóa đào tạo từ ngày...đến ngày ... (*1)						
...	...						
	Tổng cộng						

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

PHỤ TRÁCH ĐÀO TẠO
(Ký, họ tên)

LÁNH ĐẠO CƠ SỞ ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP
(Ký, họ tên, đóng dấu cơ quan)

..., ngày... tháng... năm...

Ghi chú:(*1) Ghi thời gian dự kiến tổ chức khóa đào tạo

Cơ sở đào tạo nghề nghiệp...

Phụ lục 2b

(Ban hành kèm theo Thông tư số 49/2019/TT-BTC ngày 06/8/2019 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HỒ TRỢ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC DNNVV NĂM ...

(Đào tạo nghề cho lao động trong DNNVV)

Số TT	Chuyên ngành/Khóa/Tên DNNVV tham gia đào tạo nghề	Chỉ tiêu xác định DNNVV		Số học viên của DNNVV	Chi phí đào tạo/01 học viên			NSNN hỗ trợ các học viên	Ghi chú	
		Số lao động bình quân/năm	Tổng nguồn vốn, hoặc tổng doanh thu của năm		Chi phí đào tạo	Trong đó: Học viên, DNNVV đóng góp	Từ nguồn tài trợ, huy động			
a	b	c	d	e	f=g+h+i	g	h	i	j = e x g	k
1	Chuyên ngành đào tạo...									
1.1	Khóa đào tạo từ ngày...đến ngày...									
-	DNNVV ... (tên DN)									
...										
2	Chuyên ngành đào tạo...									
2.1	Khóa đào tạo từ ngày...đến ngày...									
-	DNNVV ... (tên DN)									
...										
	Tổng cộng									

PHẦN II- DANH SÁCH HỌC VIÊN THAM GIA KHOA HỌC

	Danh sách học viên	Đã làm việc liên tục tại DN từ ...đến nay	Giới tính	Năm sinh	Chức danh, vị trí trong DNNVV	Điện thoại liên lạc cá nhân	Ghi chú
I	Khóa đào tạo từ ngày...đến ngày...						
-	DNNVV (tên DN, địa chỉ, mã số thuế, ngành nghề kinh doanh chính; Số lao động bình quân năm, tổng nguồn vốn/doanh thu của năm trước liền kề)						
-	Học viên (họ và tên học viên)						
II	Khóa đào tạo từ ngày...đến ngày...						
-	DNNVV (tên DN, địa chỉ, mã số thuế, ngành nghề kinh doanh chính; Số lao động bình quân năm, tổng nguồn vốn/doanh thu của năm trước liền kề)						
-	Học viên (họ và tên học viên)						

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

..., ngày... tháng... năm...

LÃNH ĐẠO CƠ SỞ ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP
(Ký, họ tên, đóng dấu cơ quan)

